

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 08-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Giới

Ông Vũ Trung Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 20/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1988, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ 4, ấp H, xã A, huyện Q, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951 và bà Trần Thị L, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Tôn Thị Kim D, sinh năm 1993; bị cáo có 02 con ruột, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 24/01/2022, bị cáo bị Công an xã M, huyện Q ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Văn Đ số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 28/02/2022, bị cáo chấp hành xong Quyết định trên.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/11/2024, đến ngày 27/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang cho gia đình bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. “Có đơn xin giải quyết vắng mặt”

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Tôn Long H2, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện M, tỉnh Bình Phước. “Có đơn xin giải quyết vắng mặt”

Chị Tôn Thị Kim sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã A, huyện Q, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

Anh Hồ Đình H3, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước. “Vắng mặt”

Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. “Có đơn xin giải quyết vắng mặt”

Anh Lê Văn C, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ bị Viện kiểm sát nhân dân (KSND) huyện Đ, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 31/10/2024, Nguyễn Văn Đ đến cửa hàng tạp hóa và bán đồ ăn sáng (không có biển hiệu) của bà Nguyễn Thị H tại ấp Đ, xã H, huyện Đ để ăn sáng. Do trước đó biết bà H có tiền nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ đi vào trong nhà thấy 01 vali đặt trên kệ nên mở ra và phát hiện bên trong có 01 bọc nylon màu đen chứa số tiền 60.000.000 đồng. Đ cầm lấy bọc nylon đựng tiền bỏ vào túi quần đang mặc và đi ra phía trước quán tiếp tục ăn sáng, rồi đi về phòng trọ. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 93P1 - 202.43 hướng lên thành phố Đ, gọi cho Tôn Long H2, nhờ H2 dùng số tài khoản của H2 giúp Đ nhận tiền thì H2 đồng ý và đọc số tài khoản ngân hàng Quân đội (MB Bank) của H2. Đ đến ngân hàng MB Bank tại thành phố Đ, sử dụng máy chuyển tiền của ngân hàng nộp số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của H2 với nội dung “DUONG DE CHUYEN”, nhận được tiền H2 gọi lại cho Đ biết. Tiếp đó, Đ điện thoại cho Hồ Đình H3 nhờ H3 nhận giúp số tiền 10.000.000 đồng thì H3 đồng ý. Rồi Đ đi đến cửa hàng mua bán điện thoại (không rõ địa chỉ) ở khu vực Đ, tỉnh Bình Phước nhờ chuyển 8.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Đông Á của H3 và giữ lại 2.000.000 đồng để tiêu xài, H3 gọi cho Đ biết đã nhận được tiền. Ngày 01/11/2024, Đ gọi nói Hải chuyển lại số tiền 8.000.000 đồng cho Đ thì Hải đã chuyển lại. Về phía bị hại bà H, ngày 01/11/2024 phát hiện bị mất 60.000.000 đồng nên đến Cơ quan Công an trình báo. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án gồm: 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 2021 màu xám; 01 xe mô tô BKS 93P1 - 202.43.

01 USB màu trắng, dung lượng 32Gb, chứa 05 file ghi âm (đã được niêm phong trong bì thư).

01 sổ phụ chi tiết kiểm báo nợ/báo có ngày 31/10/2024 của số tài khoản 119216868 mang tên Tôn Long H2 của Ngân hàng MB Bank; số tiền 60.000.000 đồng; 02 bản ảnh phô tô chụp màn hình điện thoại có chữ ký của Tôn Long H2.

Ngày 20/02/2025, Viện KSND huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 60.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị H đã nhận lại số tiền 60.000.000 đồng bị chiếm đoạt, hiện nay không yêu cầu bị can bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 24/02/2025, Viện KSND huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện KSND huyện Đ, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định trên. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 07 giờ ngày 31/10/2024, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H tại ấp Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Sau khi chiếm đoạt được số tiền nói trên bị cáo Đ đã thực hiện việc chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng cho H2 và chuyển số tiền 8.000.000 đồng cho H3 nhằm tránh bị phát hiện, sau đó bị cáo đã nói H3 chuyển lại số tiền 8.000.000 đồng này cho bị cáo. Tổng số tiền bị cáo giữ để tiêu xài cá nhân là 10.000.000 đồng.

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố (BL 53-61); lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL 62-67; 70a-75; 103-104); vật chứng vụ án (BL 36, 39) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 31/10/2024, khi bà H không chú ý, không quản lý tài sản của cá nhân, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại bà H số tiền

60.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

[4] Đối với Tôn Long H2, Hồ Đình H3, quá trình điều tra xác định những người trên không biết nguồn gốc số tiền bị cáo Đ chuyển vào tài khoản là do phạm tội mà có, không đủ cơ sở xử lý, Viện kiểm sát cũng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với hành vi bị cáo Đ phá hỏng điện thoại của Đặng Trung H4, quá trình điều tra không thu giữ được điện thoại của H4, hiện nay không xác định được H4 đang ở đâu nên không có căn cứ xử lý hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của bị cáo Đ, Viện kiểm sát không đề cập xử lý trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ nhận định trên nhận thấy bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 24/02/2025 của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, nhưng vì mục đích muốn có tiền xài cá nhân, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

[8] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng ngày 24/01/2022, bị cáo bị Công an xã M, huyện Q ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC đối với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, bị cáo chấp hành xong Quyết định trên vào ngày 28/02/2022. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi; bị cáo là một trong những lao động chính trong gia đình; bị hại có đơn yêu cầu không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo (BL 24). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[9] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở trên, xét thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bị cáo có khả năng tự khắc phục sửa chữa bản thân nên chỉ cần áp dụng hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét hiện bị cáo không có công việc ổn định, có hoàn cảnh khó khăn và đã tự nguyện khắc phục hậu quả, vì vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Đối với số tiền khắc phục hậu quả 60.000.000 đồng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa chỉ D xác định số tiền này là của chỉ D và bị cáo, do bị cáo tác động gia đình để giao nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo. Đến nay, chỉ D không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 2021 màu xám; 01 xe mô tô BKS 93P1 - 202.43 là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nên cần áp dụng 47 BLHS; điểm a, điểm c khoản 2, Điều 106 Bộ luật TTHS tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 USB màu trắng, dung lượng 32Gb, chứa 05 file ghi âm (đã được niêm phong trong bì thư) và 01 sổ phụ chi tiết kiệm báo nợ/báo có ngày 31/10/2024 của sổ tài khoản 119216868 mang tên Tôn Long H2 của Ngân hàng MB Bank có liên quan đến vụ án nên cần tuyên lưu trữ cùng hồ sơ.

[13] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[14] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 08-4-2025).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì phải thông báo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú biết. Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 2021 màu xám; 01 xe mô tô BKS 93P1 - 202.43.

Tuyên lưu cùng hồ sơ 01 USB màu trắng, dung lượng 32Gb, chứa 05 file ghi âm (đã được niêm phong trong bì thư) và 01 sổ phụ chi tiết kiệm báo nợ/báo có ngày 31/10/2024 của sổ tài khoản 119216868 mang tên Tôn Long H2.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tôn Thị Kim D được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- VKSND tỉnh Bình Phước (01)
- VKSND huyện Đ (01);
- Chi cục THADS huyện Đ (01);
- PV06; Phân trại Đồng Phú - Trại tạm giam,
Đội hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bình Phước (03);
- Trung tâm lý lịch tư pháp - Sở Tư pháp
tỉnh Bình Phước (01);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng (01);
- Lưu (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trung Thành Phạm Văn Giới

Vũ Hoàng Linh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Vào hồi giờ ngày 08 tháng 4 năm 2025;

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Giới

Ông Vũ Trung Thành

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1988, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ 4, ấp H, xã A, huyện Q, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí;

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 08-4-2025).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì phải thông báo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú biết. Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí;

3. Các vấn đề khác:

- Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 2021 màu xám; 01 xe mô tô BKS 93P1 - 202.43.

Tuyên lưu cùng hồ sơ 01 USB màu trắng, dung lượng 32Gb, chứa 05 file ghi âm (đã được niêm phong trong bì thư) và 01 sổ phụ chi tiết kiệm báo nợ/báo có ngày 31/10/2024 của sổ tài khoản 119216868 mang tên Tôn Long Hào.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tôn Thị Kim Duyên được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí;
Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày đã được Hội đồng xét xử
thông qua và nhất trí ký tên dưới đây./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trung Thành Phạm Văn Giới

Vũ Hoàng Linh